

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – CÀ MAU**

Bản án số: 12/2025/DS-ST

Ngày 22 - 7 - 2025

V/v Tranh chấp vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thành Trung

2. Ông Võ Minh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị D, sinh năm 1969; hộ khẩu thường trú: Số I, khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau; nơi ở hiện nay: Số C C, phường B, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng H, sinh năm 1961 và bà Trần Thị H1, sinh năm 1959; cùng địa chỉ: Số F, đường L, khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Văn Q, sinh ngày 05/02/1962; Số I, khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau; nơi ở hiện nay: Số C C, phường B, tỉnh Cà Mau.

(Bà D, ông H, ông Q có mặt, bà H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:*

Từ năm 2021 đến năm 2023, bà D có nhiều lần cho vợ chồng ông H và bà H1 vay số tiền tổng cộng 300.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 21/02/2021, ông H vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày.

- Đến ngày 22/12/2021, ông H tiếp tục vay thêm số tiền 100.000.000 đồng,

thời hạn vay là 30 ngày.

- Đến ngày 08/3/2023, ông H tiếp tục vay thêm số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày.

- Đến ngày 08/11/2023, bà H1 tiếp tục vay thêm số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 ngày.

Khi cho vay thì vợ chồng ông H đều làm biên nhận, khi vay tiền ông H còn gửi cho bà D Giấy đăng ký doanh nghiệp và Quyết định về việc bổ nhiệm ông H làm Giám đốc kinh doanh của Công ty Cổ phần C và sản xuất Vật Liệu mới Trung Hậu để bà D tin tưởng cho ông H vay. Tuy nhiên, sau khi vay tiền, thì vợ chồng ông H và bà H1 không trả tiền cho bà D như đã thỏa thuận. Đến ngày 30/8/2024, bà D và vợ chồng ông H, bà H1 đối chiếu công nợ, vợ chồng ông H thừa nhận còn thiếu bà D số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 22/8/2024 là 96.000.000 đồng.

Tiền lãi từ hai bên thỏa thuận khi vay là 4%/tháng, sau khi làm biên nhận ngày 30/8/2024 thì điều chỉnh lại lãi là 3%/tháng, thỏa thuận lãi đóng vào ngày 10 hàng tháng. Ông H cũng viết bản cam kết sẽ trả cho bà D nợ gốc và lãi vào cuối năm 2024 nhưng sau đó vợ chồng ông H không thực hiện như đã cam kết, mặc dù bà D đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông H và bà H1 trả cho bà D số tiền trên nhưng vợ chồng ông H không trả.

Tại đơn khởi kiện bà D khởi kiện Tòa án giải quyết:

- Buộc ông H và bà H1 trả cho bà D số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 22/8/2024 là 96.000.000 đồng.

- Buộc ông H và bà H1 trả cho bà D tiền lãi của số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng từ ngày 23/8/2024 đến khi ông H và bà H1 trả hết số tiền nợ gốc nêu trên với lãi suất là 1,67%/tháng.

Trong quá trình tòa án thụ lý giải quyết vụ án bà D thay đổi yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu ông H và bà H1 trả cho bà D số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng yêu cầu ông H và bà H1 trả cho bà D tiền lãi của số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng từ ngày 10/12/2023 đến khi ông H và bà H1 trả hết số tiền nợ, lãi suất là 1,67%/tháng.

Về lãi, ông H và bà H1 đã thanh toán số tiền 24.000.000 đồng gồm lãi của tháng 9 (9.000.000 đồng) lãi tháng 10 (9.000.000 đồng), lãi của tháng 11 là 6.000.000 đồng. Tháng 11 do ông H không có khả năng thanh toán nên còn nợ lại 3.000.000 đồng tiền lãi. Từ tháng 11 đến nay không thanh toán thêm khoản tiền nào.

** Tại các lời khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Hồng H trình bày:*

Thống nhất chữ ký và chữ viết tên trong các biên nhận nợ là của ông H, bà H1 và ông đồng ý trả tiền cho bà D, ông Q và xác định khoản vay trên là khoản vay chung của vợ chồng ông H, bà H1. Đồng ý trả số tiền gốc là 300.000.000 đồng cho bà D.

Đối với số tiền lãi 96.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 30/8/2024 thì ông H yêu cầu điều chỉnh lại lãi suất là 1,67%/tháng.

Đối với tiền lãi sau khi ký kết biên nhận ngày 30/8/2024, ông H đã đóng được tháng 9, 10, 11, 12 là 33.000.000 đồng, mỗi tháng lãi 3% là 9.000.000 đồng. Ông còn nợ lãi tháng 12 là 3.000.000 đồng và lãi từ tháng 01/2025 đến nay. Nay ông yêu cầu Tòa án xét xử điều chỉnh lại lãi suất theo quy định của bộ luật dân sự là 1,67%/tháng (20%/năm), từ ngày 10/12/2023 đến nay, đối trừ số tiền ông H đã đóng 33.0000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi vượt quá (lãi suất 4%) đã thanh toán (tổng cộng 236.000.000 đồng) khoản tiền này đã đóng trước ngày 30/8/2024, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết đối trừ,

* Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Q xác định: Số tiền trên là tài sản chung vợ chồng nhưng ông đồng ý cho vợ ông đứng ra ký kết giao dịch thay ông và đại diện gia đình khởi kiện tại tòa án. Ông thống nhất các ý kiến của bà D trình bày.

Tại phiên tòa các đương sự giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có kiến nghị gì. Bị đơn bà H1 có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Bà H1 là đúng quy định. Vì vậy về tố tụng Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

- Về việc giải quyết vụ án:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay nhận thấy rằng giữa bà D và ông H, bà H1 có xảy ra giao dịch vay tiền trên thực tế, tại phiên tòa hôm nay thì ông H cũng đồng ý trả tiền cho bà D. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Hồng H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 300.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D về tiền nợ vay.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về lãi thì nhận thấy rằng bị đơn đã cung cấp đầy đủ các chứng cứ thể hiện đã đóng số tiền lãi 33.000.000 đồng, do đó có căn cứ chấp nhận ý kiến trình bày của ông H. Đề nghị buộc ông H và bà H1 có nghĩa vụ trả số tiền lãi từ ngày 10/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/7/2025, lãi suất theo quy định của bộ luật dân sự là 20%/năm, đối trừ số tiền lãi 33.000.000 đồng ông H và bà H1 đã thanh toán.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D đối với số tiền lãi 9.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 300.000.000 đồng và lãi của số tiền này, đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Hồng H có nơi cư trú tại phường B, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh Cà Mau. Bị đơn bà Trần Thị H1 có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Khoản 1 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà H1 là đúng theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hồng H và Bà Trần Thị H1 cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ vay là 300.000.000 đồng. Xét yêu cầu của bà D thấy rằng, giao dịch này giữa bà D và ông H, bà H1 có xảy ra trên thực tế. Giao dịch vay tiền này có làm biên nhận và ông H cũng thừa nhận chữ viết, chữ ký trong biên nhận là của ông H, bà H1, thống nhất trả số tiền 300.000.000 đồng, phía bà H1 không có ý kiến trình bày khác nên xét thấy đây là sự tự nguyện thừa nhận của đương sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc ông H, bà H1 phải trả cho bà D số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng.

Về lãi:

Đối với số tiền lãi theo lãi suất 4% đã thanh toán, ông H xác định khoản tiền lãi đã đóng trước ngày 30/8/2024, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết đối trừ nên không đặt ra xem xét giải quyết về phần này.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 10/12/2023 đến ngày xét xử sở thẩm hôm nay 22/7/2025 là: 300.000.000 đồng x 19 tháng 12 ngày x 20%/năm = 96.972.603 đồng. Phía bị đơn thống nhất về thời gian tính tiền lãi là ngày 10/12/2023, thống nhất lãi suất 20%/năm, lãi suất các bên thỏa thuận cũng phù hợp quy định tại điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

Xét ý kiến của nguyên đơn cho rằng bị đơn đã thanh toán số tiền 24.000.000 đồng, phía bị đơn xác định đã thanh toán số tiền 33.000.000 đồng và cung cấp các tin nhắn qua zalo với ông Bùi Văn Q, tại phiên tòa ông Q xác định không biết giao dịch giữa bà D và ông H như thế nào. Tuy nhiên căn cứ các chứng cứ là tin nhắn zalo giữa ông H và ông Q có thể hiện nội dung, ngày 25/01/2025 “còn 3tr + 9tr = 12tr tháng này, tôi đang cố lo đến chiều nay”, tin nhắn ngày 03/3/2025 “tháng trước còn 12tr + tháng rồi 9tr, tổng là 21tr, trong tuần này tôi gửi anh”, ông Q có nhắn tin cho ông H nội dung “anh chuyển vào số tài khoản này: 1025248348 V-Bùi Văn Q trong tuần tới, số tiền lãi 30 tế”. Như vậy có căn cứ xác định số tiền lãi ông H đã đóng lãi đến tháng 12/2024 là

33.000.000 đồng nên chấp nhận ý kiến trình bày của ông H, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D đối với số tiền lãi 9.000.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D yêu cầu Bà Trần Thị H1 có trách nhiệm trả nợ chung với ông Nguyễn Hồng H. Bà Trần Thị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến của bà Trần Thị H1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 27, Điều 29, Điều 30 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện....”* nên buộc bà Trần Thị H1 có nghĩa vụ trả nợ vay chung với ông Nguyễn Hồng H cho bà Nguyễn Thị D số tiền vay 300.000.000 đồng và lãi của số tiền trên đến khi thanh toán xong các khoản tiền.

Đổi trừ số tiền lãi đã đóng, ông H và bà H1 còn phải thanh toán cho bà D và ông Q số tiền 63.972.603 đồng (96.972.603 đồng – 33.000.000 đồng)

Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Về án phí: Ông H và bà H1 đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải nộp án phí

Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện về lãi không được chấp nhận là 450.000 đồng, đổi trừ số tiền bà D đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 10.702.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000390 ngày 28/4/2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Cà Mau), bà D được hoàn lại 10.252.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 357; 463; 465; 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D đối với ông Nguyễn Hồng H và Bà Trần Thị H1.

Buộc ông Nguyễn Hồng H và Bà Trần Thị H1 cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 363.972.603 đồng, trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng, lãi là 63.972.603 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D đối với số tiền lãi 9.000.000 đồng.

3. Về án phí:

Ông H và bà H1 đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải nộp án phí

Buộc bà Nguyễn Thị D phải nộp án phí là 450.000 đồng, đối trừ số tiền bà D đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 10.702.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000390 ngày 28/4/2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Cà Mau), bà D được hoàn lại 10.252.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Án xử công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND KV6-Cà Mau;
- Phòng THADS KV6-Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu HS.

Lâm Thị Tuyết Anh